

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN NĂM CĂN

Năm Căn, ngày 9 tháng 12 năm 2022

Năm Căn, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04./QĐ-TSHN-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn)*

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP);
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Thông tư số 96/2020/TT-BTC);
- Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con;
- Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN);
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (Điều lệ Công ty);
- Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn,

Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn;

Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn, bao gồm các nội dung sau:

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.....	3
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	4
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	5
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.....	6
CHƯƠNG 2 – CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	7
Điều 7. Công bố thông tin định kỳ.....	7
Điều 8. Công bố thông tin bất thường	8
Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	10
Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty	10
CHƯƠNG 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.....	11
Điều 11. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	11
Điều 12. Công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ....	11
Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.....	12
CHƯƠNG 4 –PHỐI HỢP THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN	13
Điều 14. Quy trình thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin	13
Điều 15. Sửa đổi và bổ sung	14
Điều 16. Hiệu lực thi hành	14
PHỤ LỤC	16
PHỤ LỤC 01: HƯỚNG DẪN MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ.....	16
PHỤ LỤC 02: CÁC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN	26

a) Người nội bộ của Công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và Người có liên quan của Người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

10. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

11. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

12. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

13. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

14. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

15. *Người thực hiện công bố thông tin của Công ty* là cá nhân theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

16. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

17. *Công ty* là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.

18. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nơi chứng khoán của Công ty đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do Người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 4 Quy chế này.

5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên Trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên Trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán của Công ty là Tiếng Việt.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được Công ty ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành Công ty phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi Người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về Người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Mẫu 20 – GUQ Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Mẫu 02 – BCCTT Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thời hạn của thông tin được công bố theo quy định của Pháp luật về quy định này.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử của Công ty (cụ thể tại Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (Nhà đầu tư) trên Trang thông tin điện tử của Công ty (*Website*) có tên miền: <http://www.seanamico.com.vn> do Phòng chuyên trách (cụ thể là Phòng Hành chính tổng hợp) quản lý và vận hành);

b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – IDS Pro;

c) Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/ đăng ký giao dịch trên sàn HNX – Hệ thống CIMS);

d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD);

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử ...).

2. Việc lập Trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Công ty phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

7. Người thực hiện công bố thông tin và Thư ký Hội đồng quản trị được phân công thực hiện công bố thông tin của Công ty thông qua các phương tiện báo cáo, công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, đảm bảo nguyên tắc:

a) Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký/ đăng nhập, bao gồm: Tên truy cập tài khoản, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện thao tác công bố thông tin;

b) Cách thức đăng tải báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều này. Riêng việc đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Công ty, Thư ký Hội đồng quản trị phối hợp với các Phòng nghiệp vụ thực hiện.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG 2 – CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố Báo cáo tài chính năm: Công ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Khi công bố thông tin Báo cáo tài chính năm, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

3. Khi công bố thông tin Báo cáo tài chính năm, Công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 2 Điều này trên cơ sở Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty.

4. Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Mẫu 01 – BCTN Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

5. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Quy chế này.

6. Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định tại Mẫu 03 – BCQT Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Công ty; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Mẫu 02 – BCCTT Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, Người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán nước ngoài;

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nơi Công ty đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên Trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ:

a) Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ.

b) Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 11. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty, phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Mẫu 16 – CDL Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Mẫu 17 – CDL Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 13 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 12. Công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ

1. Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) và Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, Người nội bộ và Người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Mẫu 18 – GD NNB Phụ lục 02 hoặc Mẫu 22 – TBGD Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và Người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và Người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người nội bộ và Người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Mẫu 19 – GD NNB Phụ lục 02 hoặc Mẫu 23 – BCKQ Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này;

e) Người nội bộ và Người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

2. Người nội bộ và Người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là Người nội bộ của Công ty hoặc Người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ của Công ty hoặc Người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là Người có liên quan của Người nội bộ của Công ty khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty.

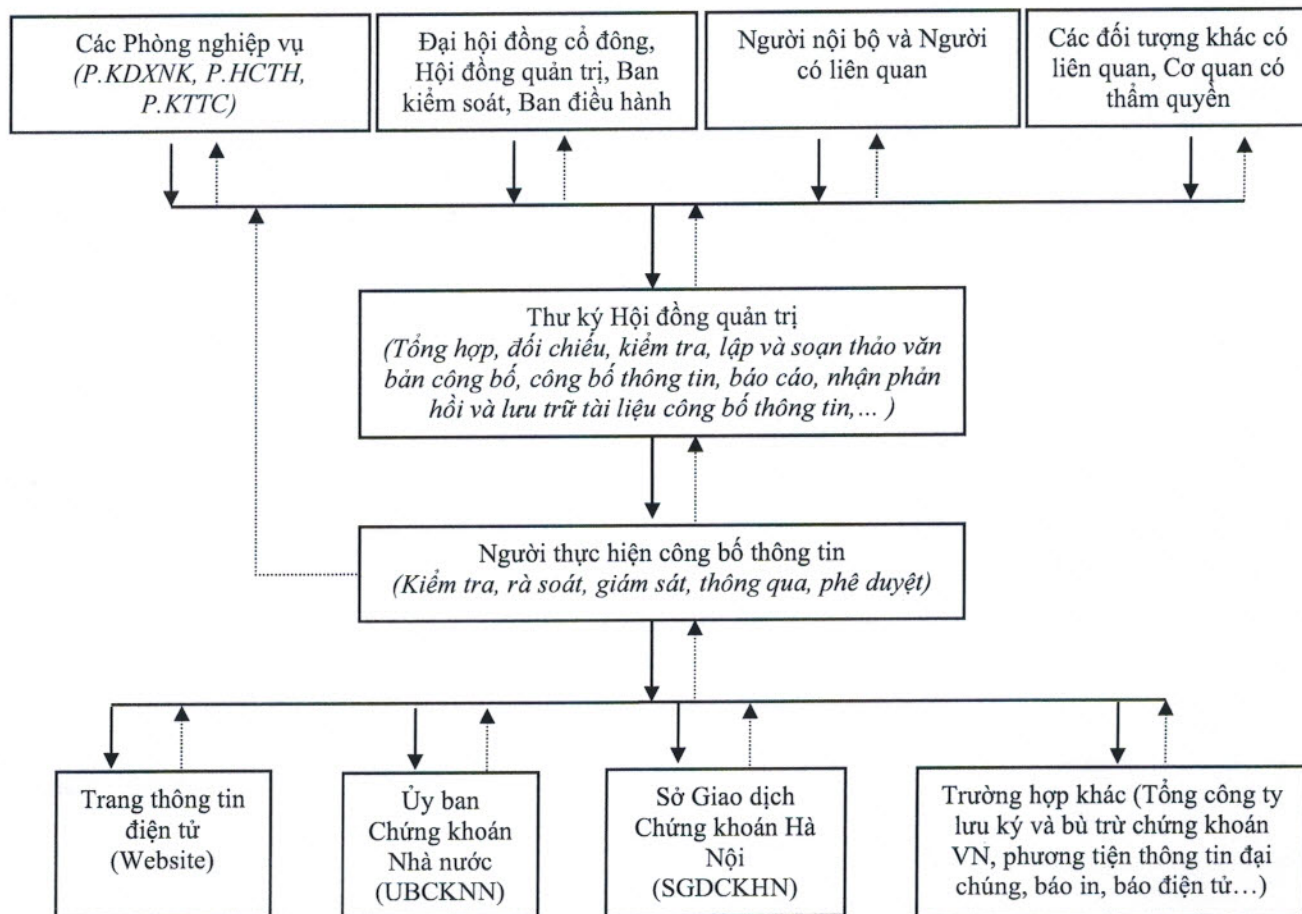
Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Khi được chào mua công khai, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác về chào mua công khai.

CHƯƠNG 4 –PHỐI HỢP THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14. Quy trình thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin

1. Sơ đồ thực hiện công bố thông tin



Ghi chú:

- Chiều thông tin cung cấp;
- ←..... Chiều thông tin phản hồi.

Sơ đồ thực hiện công bố thông tin áp dụng đối với các Phòng nghiệp vụ của Công ty và các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện công bố tin thông của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

Hướng dẫn một số quy định về công bố thông tin cho các Phòng nghiệp vụ được liệt kê tại Phụ lục 01 Quy chế này.

2. Diễn giải quy trình công bố thông tin

a) Bước 1: Chuẩn bị, cung cấp thông tin

Các thông tin cần phải công bố theo quy định tại Quy chế này hoặc có sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin; các Phòng nghiệp vụ của Công ty và các đối tượng có liên quan phải lập tức báo cáo, gửi thông tin công bố theo nội dung quy định tại Quy chế này, cung cấp thông tin cho Người thực hiện công bố thông tin/ thư ký Hội đồng quản trị theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố.

b) Bước 2: Xử lý thông tin

Thư ký Hội đồng quản trị với các Phòng nghiệp vụ của Công ty lập và soạn thảo báo cáo, văn bản công bố; tiến hành tổng hợp, kiểm tra rà soát tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, văn bản công bố; đối chiếu với các quy định hiện hành về công bố thông tin; thực hiện công bố thông tin; báo cáo, nhận phản hồi và chỉnh sửa theo yêu cầu (nếu có) từ cơ quan có thẩm quyền; lưu trữ tài liệu công bố thông tin.

Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo dõi, thi hành, thực hiện các quy định của Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan trong công tác thực hiện công bố thông tin của Công ty.

Các Phòng nghiệp vụ liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người thực hiện công bố thông tin nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

c) Bước 3: Trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt

Thư ký Hội đồng quản trị trình Ban Tổng giám đốc/ Người thực hiện công bố thông tin xem xét, phê duyệt nội dung; ký và đóng dấu báo cáo, văn bản công bố trước khi thực hiện việc công bố trên các phương tiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này. Trong trường hợp Ban Tổng giám đốc/ Người thực hiện công bố thông tin vắng mặt, Thư ký Hội đồng quản trị trình lãnh đạo có thẩm quyền ký và đóng dấu để thực hiện công bố thông tin.

d) Bước 4: Báo cáo và công bố

Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện gửi thông tin cần công bố đến các đối tượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này, đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu công bố, phương tiện và cách thức thực hiện.

đ) Bước 5: Tiếp nhận các thông tin phản hồi và sàng lọc, đề xuất cho Lãnh đạo về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết (*Quay lại các bước trên*).

e) Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã được thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại Công ty đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế này; để phục vụ tham khảo, tra cứu, thanh tra và đối chiếu khi cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và các nhà đầu tư.

Điều 15. Sửa đổi và bổ sung

1. Hội đồng quản trị Công ty có quyền bổ sung, sửa đổi Quy chế này để phù hợp với nhu cầu thực tế về công tác công bố thông tin và/ hoặc cập nhật các thay đổi của quy định pháp luật (*được sửa đổi theo từng thời kỳ*).

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty và các đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin có liên quan.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế công bố thông tin Công ty bao gồm 04 Chương, 16 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Quy chế này được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng nghiệp vụ, các cá nhân và đơn vị có liên quan của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



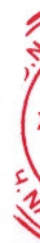
Mai Xuân Phong

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01: HƯỚNG DẪN MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ

Các Phòng nghiệp vụ của Công ty, bao gồm: Phòng Hành chính Tổng hợp (P.HCTH), Phòng Kế toán tài chính (P.KTTC), Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu (P. KDXNK) của Công ty

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện		Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ						
I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH						
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	P.KTTC	P.HCTH	Phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này	
2	Chú ý: Văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.	CBTT đồng thời với BCTC đã kiểm toán cần giải trình.	P.KTTC	P.HCTH		
II. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN						
3	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	P.HCTH	HDQT, BKS, BĐH, TK.HDQT, P.KTTC, P.KDXNK	Phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán, Mẫu 01 – BCTN	



STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện		Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
						Phụ lục 02
III.	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (THƯỜNG NIÊN/ BẤT THƯỜNG)					
4	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ		Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	P.HCTH	ĐHQT, BKS, BDH, TK.ĐHQT	Mẫu 05 – THQ Phụ lục 02
5	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường và tài liệu họp Đại hội		Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường (Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	P.HCTH	ĐHQT, BKS, BDH, TK.ĐHQT	
6	CBTT Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.		Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường	P.HCTH	ĐHQT, BKS, BDH, TK.ĐHQT	
IV.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ					
7	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên		Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	P.HCTH	ĐHQT, BKS, BTGD, KTT, TK.ĐHQT, Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.KTTC, P.KDXNK	Mẫu 03 – BCQT Phụ lục 02
8	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm		Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	P.HCTH		
V.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUÝ					
9	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch		Chậm nhất là ngày 30/07 (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)	P.HCTH	VSD, Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ	Mẫu 06 – DS Phục lục 02

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
10	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)	P.HCTH	VSD, Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ	
VI.	LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẢNG VĂN BẢN				
11	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	P.HCTH	HDQT, BKS, BDH, TK.HĐQT	Mẫu 05 – THQ Phụ lục 02
12	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ Tổng ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	P.HCTH	HDQT, BKS, BDH, TK.HĐQT	
13	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	P.HCTH	HDQT, BKS, BDH, TK.HĐQT	
B.	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
14	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	P.KTTC	BDH, P.HCTH, P.KDXNK	Phối hợp với các Phòng nghiệp vụ liên quan thực hiện;
15	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	BDH, P.KTTC, P.KDXNK	Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và
16	CBTT về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh	Gửi kèm bản sao hợp lệ	P.HCTH	BDH, P.KTTC	

11/01/2023 2:27/31

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
	ngành, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Mẫu 10 – DKDN Phụ lục 02	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho SGDK Hà Nội			các giải pháp khác phục (nếu có)
17	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	P.KTTC	BĐH, P.HCTH	
18	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	P.KTTC	BĐH, P.HCTH	
19	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần phải đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 7 Quy chế này.	Trong thời hạn 24 giờ	P.KTTC	BĐH, P.HCTH	
20	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	P.KTTC	BĐH, P.HCTH, P.KDXNK	
21	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	P.KTTC	BĐH, P.HCTH	
22	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Trong thời hạn 24 giờ	P.KTTC	BĐH, P.HCTH	
23	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT	
24	Nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH,	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
	<i>lệ Công ty)</i>			TK.HĐQT	
25	Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Hà Nội Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Mẫu 02 – BCCTT Phụ lục 02	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, Người nội bộ mới	
26	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
27	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
28	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
29	Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC, P.KDXNK	
30	Quyết định thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
31	Quyết định thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
32	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS,	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
				BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
33	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC, P.KDXNK	
34	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong thời hạn 24 giờ	P.KTTC	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.HCTH, P.KDXNK	
35	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình Công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện CBTT theo quy định, Công ty thực hiện đăng ký theo Mẫu 06 CBTT/SGDHN.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC, P.KDXNK	
36	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC, Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Công ty	
37	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:				

XUẤT

 21

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
	- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
		Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
		Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.KTTC	
38	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán	Trong thời hạn 24 giờ	P.KTTC	HĐQT, BKS, BĐH, TK.HĐQT, P.HCTH	
39	Nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, Người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	HĐQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HĐQT, Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.KTTC, P.KDXNK	
40	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH		
41	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH		
42	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH		
43	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH		
44	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH		
45	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	Công ty thực hiện CBTT theo quy định kể từ khi ban	P.HCTH		



STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
		hành quyết định/ngợi quyết và CBTT Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.			
46	Công ty gửi cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới (nếu có) theo biểu mẫu tại Phụ lục 02	Trong thời hạn 24 giờ	P.HCTH	Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ	
47	Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ: Công ty thực hiện CBTT theo Mẫu 07 – NS và Mẫu 08 – NNB Phụ lục 02.	Gửi kèm quyết định/ nghị quyết về việc thay đổi nhân sự			
48	Trường hợp có phát sinh thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGDCCK theo Mẫu 09 – TB và Mẫu 08 – NNB Phụ lục 02.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi			
C.	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU				
49	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCCK Hà Nội đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	P.HCTH	HĐQT, BKS, BDH, TK.HĐQT	Phối hợp với các Phòng nghiệp vụ liên quan thực hiện
50	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCCK nêu rõ lý do hủy.	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	P.HCTH	HĐQT, BKS, BDH, TK.HĐQT	
		Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	P.HCTH	HĐQT, BKS, BDH, TK.HĐQT	
D.	CÔNG BỐ THÔNG VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
51	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	P.HCTH	HHQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HHQT, P.KTTC, P.KDXNK	Phối hợp với các Phòng nghiệp vụ liên quan thực hiện
52	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	P.HCTH	HHQT, BKS, BĐH, TK.HHQT	
53	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của Công ty, bán cổ phiếu quỹ	P.HCTH	HHQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HHQT, P.KTTC, P.KDXNK	
54	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của Công ty	CBTT và báo cáo các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	P.KTTC	HHQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HHQT, P.HCTH	
55	Công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc	P.HCTH	HHQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HHQT, P.KTTC	
56	Công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc	P.HCTH	HHQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HHQT, P.KTTC	
57	CBTT về giao dịch chào mua công khai	Theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác về chào mua công khai.	P.HCTH	HHQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HHQT, P.KTTC, P.KDXNK	
E.	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
58	Theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK Hà Nội khi:				Nội dung yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
	- Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	P.HCTH	HĐQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HĐQT, Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.KTTC, P.KDXNK	
	- Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu			
F.	TẠM HOẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN				
59	Công bố về việc tạm hoãn CBT	Theo quy định	P.HCTH	HĐQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HĐQT, P.KTTC, P.KDXNK	

PHỤ LỤC 02: CÁC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Ký hiệu mẫu biểu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Mẫu 02 – BCCTT	Bản cung cấp thông tin Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Mẫu 03 – BCQT	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/ năm (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04 – BC	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 – THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định 02/QĐ-VSD ban hành ngày 02 tháng 01 năm 2020)
6	Mẫu 06 – DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng niêm yết/đăng ký giao dịch (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
7	Mẫu 07 – NS	Thay đổi nhân sự (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
8	Mẫu 08 – NNB	Danh sách Người nội bộ và Người có liên quan (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
9	Mẫu 09 – TB	Thông báo thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
10	Mẫu 10 – DKDN	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
11	Mẫu 11 – MHCT	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
12	Mẫu 12 – SLCP	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
13	Mẫu 13 – CBTT	Công bố thông tin bất thường (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
14	Mẫu 14 – QTCT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
15	Mẫu 15 – KT CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)

STT	Ký hiệu mẫu biểu	Nội dung
16	Mẫu 16 – CĐL	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
17	Mẫu 17 – CĐL	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
18	Mẫu 18 – GD NNB	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của của Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
19	Mẫu 19 – GD NNB	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
20	Mẫu 20 – GUQ	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
21	Mẫu 21 – GUQCN	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin cá nhân (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
22	Mẫu 22 – TBGD	Thông báo giao dịch quyền mua cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
23	Mẫu 23 – BCKQ	Báo cáo kết quả giao dịch quyền mua cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)